

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 03/2019/HNGĐ
Ngày: 21/6/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doãn Đức Hà
Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn: Bà Lê Thị Nguyệt Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 38/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 về: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02 /2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D; sinh năm: 1996; ĐKKHKT tại: xã Đông V, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Cư trú tại: xã Đông Q, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đình H, sinh năm: 1989; ĐKKHKT: xã Đông V, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa. Cư trú tại: Ấp Bình T 2, xã Đức H H, huyện Đức H, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2019 và trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Đình H kết hôn trên cơ sở hai bên tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông V, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 03/01/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung ngày càng căng thẳng, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Vợ chồng sống ly thân từ khi chị D sinh con do anh H không quan tâm tới vợ con. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh H đã hoàn toàn tA vỡ, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn.

Về con: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Đình H có một con chung là cháu Trần Trí Tuấn L, sinh ngày 18/10/2017. Vợ chồng ly hôn chị D xin được quyền nuôi con, không yêu cầu Ah H phải đóng góp nuôi con.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị D và Ah Trần Đình H không có tài sản gì có giá trị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị Nguyễn Thị D và Ah Trần Đình H không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn:

Theo bản tự khai ngày 17 tháng 5 năm 2019, quA điểm của Ah Trần Đình H:

Về hôn nhân: Ah H thống nhất với lời trình bày của chị D về thời giA và điều kiện kết hôn. Trong cuộc sống chung có tồn tại những mâu thuẫn. Nay chị D xin ly hôn thì Ah H cũng đồng ý.

Về con: Ah Trần Đình H thống nhất như lời trình bày của chị D: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Trí Tuấn L và đồng ý giao con cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nhưng anh H không cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu, ngoài ra anh H đề nghị được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà gia đình chị D không được cản trở.

Về tài sản và công nợ: Anh Trần Đình H khẳng định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Trần Đình H và xin được quyền nuôi con chung của vợ chồng. Bị đơn anh Trần Đình H nhất trí ly hôn và đồng ý dành quyền nuôi con chung cho chị D. Về tài sản và công nợ cả chị D và anh H đều khẳng định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà:

- Về tuân theo pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng do pháp luật quy định. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án:

+ Điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Các Điều 56; 57; 58; 81; 82;83 Luật Hôn nhân & gia đình; Điều 28; Điều 35; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Các Điều 271; 273; 278; Khoản 1 Điều 280 BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14.

+ Hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trần Đình H.

+ Con chung: Đề nghị HĐXX xử cho chị D được nuôi con chung của vợ chồng là cháu Trần Trí Tuấn L, sinh ngày 18/10/2017, anh H không phải đóng góp nuôi con chung vì chị D không yêu cầu.

+ Án phí: Đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị D và bị đơn là anh Trần Đình H là Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn có địa chỉ tại xã Đông V, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập anh Trần Đình H đến làm việc nhưng anh H vắng mặt. Qua xác minh tại địa phương cho biết: anh H vẫn đóng đảng phí đầy đủ nhưng hiện đang làm việc tại tỉnh Long An. Do vậy TAND huyện Đông Sơn đã tiến hành ủy thác cho TAND huyện Đức H, tỉnh Long An tổng đạt các giấy tờ, văn bản cho anh H. Ngày 17/5/ 2019 anh H có đơn gửi Tòa án xin từ chối phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vì lý do bận công việc. Yêu cầu xét xử vắng mặt của anh H là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội D vụ án:

* *Về hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Đình H kết hôn trên cơ sở hai người tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông V, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống luôn căng thẳng nên tình cảm phai nhạt dần. Vợ chồng sống ly thân từ khi chị D sinh con, không có trách nhiệm gì với nhau. Tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh H đã hoàn toàn tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được. Khi chị D xin ly hôn thì anh H cũng không thiết tha níu kéo, mà có thái độ bỏ mặc. Như vậy chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, HĐXX nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

* *Về con:*

Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Đình H đều thống nhất: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Trí Tuấn L, sinh ngày 18/10/2017. Vợ chồng ly hôn chị D xin được quyền nuôi con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con, còn anh H cũng đồng ý dành quyền nuôi con chung cho chị D.

** Về tài sản và công nợ:*

Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Đình H đều trình bày thống nhất: Vợ chồng chưa mua sắm được tài sản gì có giá trị và cũng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung, tài sản và công nợ giữa chị D và anh H là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, có căn cứ phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D đối với bị đơn anh Trần Đình H.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; các Điều 271; 273; 278; 280 của BLTTDS năm 2015; các Điều 51; 56; 57; 81, 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1, Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử: Vắng mặt anh Trần Đình H.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trần Đình H.

2. *Về con:* Ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trần Đình H như sau: Giao cháu Trần Trí Tuấn L, sinh ngày 18/10/2017 là con chung của vợ chồng cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không phải đóng góp T nuôi con chung.

Hai bên được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không bên nào được cản trở.

3. *Về án phí:* Buộc chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2017/0001739 ngày 01/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận đã nộp đủ.

4. - *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Trần Đình H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm

hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã Đông V, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông V;
- Thi hành án huyện Đông Sơn;
- Phòng giám đốc kiểm tra
TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tố Như